

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TN
HỘI ĐỒNG THI TN LỚP TCLLCT-HC
HỆ KTT K14 ĐẠI TỪ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 5 năm 2022

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA K14 TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ
Khối kiến thức III: Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, NNPL và
QLHCNN; một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo,
quản lý ở cơ sở

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
01	Bùi Thị Tú Anh	05/6/1982	1	20	7,5	Bảy rưỡi	
02	Trần Tuấn Anh	24/9/1989	2	26	7,5	Bảy rưỡi	
03	Nguyễn Thị Thanh Bình	14/12/1986	3	29	7,5	Bảy rưỡi	
04	Phạm Thị Châm	07/7/1980	4	39	7,5	Bảy rưỡi	
05	Triệu Văn Chính	27/9/1991	5	49	7,5	Bảy rưỡi	
06	Nguyễn Văn Công	09/12/1986	6	04	7,0	Bảy	
07	Vũ Mạnh Cường	16/3/1978	7	36	7,0	Bảy	
08	Hoàng Đức Dân	10/7/1975	8	58	7,0	Bảy	
09	Trần Văn Diệm	27/4/1971	9	53	7,0	Bảy	
10	Đào Văn Doanh	27/02/1980	10	08	7,0	Bảy	
11	Nguyễn Văn Dũng	10/4/1985	11	33	7,0	Bảy	
12	Nguyễn Văn Duy	16/9/1983	12	32	7,0	Bảy	
13	Hoàng Công Định	14/01/1979	13	18	7,0	Bảy	
14	Hoàng Văn Giang	03/3/1983	14	28	7,0	Bảy	
15	Hoàng Mai Giang	26/10/1990	15	66	7,5	Bảy rưỡi	
16	Chu Thị Thanh Giang	04/7/1981	16	64	7,5	Bảy rưỡi	
17	Đỗ Thị Hạnh	31/3/1979	17	03	7,0	Bảy	
18	Hoàng Thị Hạnh	25/8/1984	18	27	7,5	Bảy rưỡi	
19	Phan Thị Hiền	07/3/1987	19	51	7,5	Bảy rưỡi	



20	Dương Thị Hiệp	09/01/1982	20	48	7,0	Bảy	
21	Nguyễn Ngọc Hoa	11/7/1984	21	59	8,0	Tám	
22	Nguyễn Thị Hoa Hồng	01/5/1982	22	02	7,5	Bảy rưỡi	
23	Trần Thị Huệ	08/02/1990	23	57	7,5	Bảy rưỡi	
24	Đàm Thị Thu Huệ	29/9/1990	24	46	8,0	Tám	
25	Lương Thị Thu Hương	25/11/1978	25	23	7,5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Hương	10/11/1991	26	68	7,5	Bảy rưỡi	
27	Trần Duy Hưởng	11/12/1982	27	43	7,0	Bảy	
28	Nguyễn Hạnh Huyền	28/5/1983	28	05	7,0	Bảy	
29	Nguyễn Thị Huyền	15/5/1978	29	34	7,0	Bảy	
30	Đặng Văn Lân	26/10/1973	30	47	7,0	Bảy	
31	Trần Thị Liên	20/10/1988	31	60	7,0	Bảy	
32	Nguyễn Thị Hồng Linh	14/6/1980	32	61	7,5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Thị Mỹ Linh	23/5/1992	33	54	7,5	Bảy rưỡi	
34	Lê Thị Ngọc Linh	14/10/1986	34	65	7,5	Bảy rưỡi	
35	Trương Thị Loan	01/11/1990	35	55	7,5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Thị Triệu Loan	14/11/1994	36	19	7,5	Bảy rưỡi	
37	Hoàng Thị Thu Loan	14/7/1987	37	62	7,5	Bảy rưỡi	
38	Lê Thị Mến	29/6/1991	38	25	7,5	Bảy rưỡi	
39	Lê Minh	30/7/1977	39	31	7,0	Bảy	
40	Đặng Quang Minh	27/6/1966	40	44	7,0	Bảy	
41	Phạm Phương Nam	18/01/1983	41	67	7,0	Bảy	
42	Đào Thị Nga	30/6/1984	42	14	8,0	Tám	
43	Đinh Thị Ngân	18/7/1990	43	06	8,0	Tám	
44	Lê Bảo Ngọc	08/4/1987	44	38	8,0	Tám	
45	Lương Thị Nhân	20/8/1986	45	50	8,0	Tám	
46	Lương Thị Oanh	26/5/1988	46	45	7,0	Bảy	
47	Nguyễn Thị Lệ Quyên	03/8/1990	47	21	7,0	Bảy	
48	Triệu Văn Quyên	19/3/1978	48	22	7,0	Bảy	
49	Nông Thị Quỳnh	19/11/1989	49	09	7,5	Bảy rưỡi	

50	Tạ Quang Thắng	23/02/1982	50	13	7,0	Bảy	
51	Nguyễn Phương Thảo	26/7/1986	51	24	7,5	Bảy rưỡi	
52	Hà Thị Thuận	05/5/1989	52	10	7,5	Bảy rưỡi	
53	Phan Văn Thịnh	28/10/1979	53	42	8,0	Tám	
54	Phạm Thị Thơ	08/02/1981	54	30	7,5	Bảy rưỡi	
55	Trần Thị Thương	10/11/1991	55	01	7,5	Bảy rưỡi	
56	Nguyễn Phương Thùy	19/10/1990	56	12	7,5	Bảy rưỡi	
57	Chu Thanh Thủy	02/11/1990	57	11	8,0	Tám	
58	Lê Thị Chung Thủy	05/11/1977	58	15	7,5	Bảy rưỡi	
59	Đỗ Huy Trinh	01/7/1974	59	37	7,5	Bảy rưỡi	
60	Vũ Văn Trung	02/02/1986	60	07	7,0	Bảy	
61	Đỗ Huy Trường	05/6/1971	61	35	7,5	Bảy rưỡi	
62	Triệu Văn Tuấn	08/02/1981	62	41	7,0	Bảy	
63	Nguyễn Thị Tươi	27/5/1984	63	63	7,0	Bảy	
64	Trần Văn Tuyên	05/9/1984	64	16	7,0	Bảy	
65	Đào Văn Ước	20/12/1982	65	52	7,0	Bảy	
66	Nguyễn Xuân Vinh	01/01/1972	66	17	7,5	Bảy rưỡi	
67	Trần Văn Vịnh	05/4/1987	67	40	7,5	Bảy rưỡi	
68	Dương Thị Hải Yến	03/11/1986	68	56	7,5	Bảy rưỡi	

THƯ KÝ

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Hồng Mây



Nguyễn Thu Huyền